

Phụ lục 4



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

(Báo cáo kèm theo Quy định công bố thông tin hoạt động của Công ty mẹ - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam)

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Năm báo cáo: 2013

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Những sự kiện quan trọng

- Quá trình hình thành:

+ Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (VINACHEM) là doanh nghiệp đa sở hữu, trong đó sở hữu nhà nước là chi phối, hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, được thành lập theo Quyết định số 2180 TTg ngày 23/12/2009 của Thủ tướng Chính Phủ trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Tổng công ty Hóa chất Việt Nam. Công ty mẹ - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; ngoài Văn phòng và các ban chức năng còn có 02 đơn vị hạch toán phụ thuộc là Trung tâm Thông tin KHKT Hóa chất và Trung tâm Thương mại và Dịch vụ Hóa chất.

+ Ngày 23 tháng 6 năm 2010, tại Quyết định số 953/ QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Công ty mẹ - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam được chuyển đổi thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tập đoàn Hóa chất Việt Nam do Nhà nước làm chủ sở hữu.

+ Ngoài Công ty mẹ - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, hiện nay Tập đoàn có 05 công ty con do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ, 23 công ty con do Tập đoàn nắm giữ trên 50% vốn điều lệ khi cổ phần hóa, 13 công ty do Tập đoàn nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ, 01 Viện nghiên cứu, 01 Trường cao đẳng.

- Vốn điều lệ: 16.000.000.000.000 đồng (mười sáu nghìn tỷ đồng)

2. Quá trình phát triển

- Chức năng, nhiệm vụ của Tập đoàn

+ Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước giao cho Tập đoàn Hóa chất Việt Nam;

+ Tiến hành các hoạt động về hóa chất theo quy định Luật hóa chất; tổ chức quản lý, giám sát công tác về sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất cơ bản, hóa chất tiêu dùng, hóa dược, hóa dầu và khai thác chế biến khoáng sản của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam;

+ Thực hiện chức năng trực tiếp sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư kinh doanh vốn vào các công ty con, các công ty liên kết; chi phối các công ty con theo mức độ nắm giữ vốn điều lệ của các công ty đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;



+Thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu phần vốn của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tại các công ty con và công ty liên kết;

+Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh trong Tập đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam;

+Thực hiện những công việc khác mà Nhà nước giao cho.

- Mục tiêu kinh doanh:

Mục tiêu hoạt động của VINACHEM thể hiện rõ qua 3 tiêu chí: Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu nhà nước đầu tư tại VINACHEM và vốn của VINACHEM đầu tư vào các doanh nghiệp khác; Giữ vai trò trung tâm để phát triển một Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đa sở hữu, trong đó sở hữu nhà nước là chi phối; Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

- Ngành, nghề kinh doanh chính:

+ Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước; sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; hóa chất cơ bản, hóa chất tiêu dùng; công nghiệp hóa chất, hóa dược, hóa dầu; công nghiệp chế biến cao su; công nghiệp khai thác mỏ.

+ Kinh doanh máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ cho ngành công nghiệp hóa chất; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

- Quy chế hoạt động (điều lệ)

+ Quản lý, điều hành thông qua thực hiện quyền chủ sở hữu; người đại diện;

+ Quản lý, điều hành thông qua Tập đoàn Hóa chất Việt Nam;

+ Quản lý, điều hành thông qua thỏa thuận, hợp tác sử dụng dịch vụ chung trong toàn Tập đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam, các hình thức đầu tư, liên kết; thực hiện các quy chế, tiêu chuẩn, định mức chung trong toàn Tập đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam không trái với quy định pháp luật; sử dụng sản phẩm, dịch vụ của nhau theo nguyên tắc thị trường;

+Tuân thủ pháp luật; thông qua quan hệ sở hữu và quan hệ hợp đồng kinh tế. Không can thiệp bằng mệnh lệnh hành chính; hài hòa lợi ích; đảm bảo phát triển vốn nhà nước đúng định hướng phát triển ngành hóa chất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Phương thức khác theo quy định của pháp luật và phù hợp với Điều lệ của các doanh nghiệp thành viên.

- Tình hình hoạt động

+ Trong nhiều năm qua, VINACHEM luôn đạt tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp hơn 10%. Nhiều sản phẩm chủ yếu của Tập đoàn đã chiếm thị phần lớn tại thị trường trong nước như phân bón chứa lân, phân NPK, hóa chất cơ bản, chất giặt rửa, các loại săm lốp ô tô, xe máy, xe đạp... Với những

đóng góp lớn lao cho nền kinh tế và phục vụ đời sống nhân dân, VINACHEM đã vinh dự 2 lần được tặng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hạng Nhất và nhiều phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước.

+ Đề Tập đoàn luôn giữ vị trí chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, VINACHEM mong muốn được hợp tác với các đối tác, bạn hàng trong và ngoài nước trên cơ sở hai bên cùng có lợi.

3. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của doanh nghiệp

+ Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đầu tư và vốn của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đầu tư tại các doanh nghiệp khác; hoàn thành các nhiệm vụ khác do chủ sở hữu giao;

+ Phát triển Tập đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao; trong đó ngành công nghiệp hóa chất là chủ đạo; nghiên cứu khoa học, công nghệ, đào tạo để cung cấp dịch vụ cho các công ty thành viên; gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo; làm nòng cốt để ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam phát triển nhanh, bền vững, cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả;

+ Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm các loại, đáp ứng tốt nhất nhu cầu sử dụng sản phẩm trên thị trường trong nước, xuất khẩu ra thị trường nước ngoài

- Chiến lược phát triển chung và dài hạn:

• Tầm nhìn

+ Đến năm 2030, trở thành Tập đoàn hàng đầu khu vực về lĩnh vực công nghiệp hóa chất cơ bản, hóa chất phục vụ nông nghiệp, tiêu dùng và xuất khẩu.

• Mục tiêu tổng quát

+ Chủ động đáp ứng nhu cầu phân bón cho phát triển nông nghiệp, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.

+ Thực hiện vai trò trụ cột dẫn dắt ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam phát triển đúng định hướng, hiệu quả cao, thân thiện môi trường, là động lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

+ Đáp ứng cơ bản nhu cầu phân bón cho sản xuất nông nghiệp trong nước, tăng thị phần thuốc bảo vệ thực vật, đồng thời phát triển mạnh các loại phân bón chuyên dùng cho từng loại đất và cây trồng, phục vụ tối đa sự phát triển nông nghiệp nông thôn, đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường khu vực, Trung Đông và Caribe.

+ Phát triển mạnh các sản phẩm cao su công nghệ cao, tăng thị phần các sản phẩm như lốp ô tô Radial, săm ô tô, xe máy và một số sản phẩm cao su kỹ thuật để thay thế nhập khẩu, làm chủ hoàn toàn công nghệ sản xuất các sản phẩm từ cao su, xuất khẩu

+ Đến năm 2020, đáp ứng cơ bản nhu cầu hóa chất cơ bản trong nước, chiếm lĩnh thị phần quan trọng về hóa chất tiêu dùng đặc biệt là pin, ắc quy và chất tẩy rửa.

+ Khai thác hiệu quả các loại quặng quan trọng trong nước và nước ngoài, trực tiếp tổ chức khai thác và kinh doanh các loại nguyên liệu (muối mỏ Lào và sản xuất NH₃) nhằm đáp ứng đủ nhu cầu nguyên vật liệu cơ bản cho sản xuất các sản phẩm của Tập đoàn, giảm nhập siêu, đồng thời hạn chế các tác động của thị trường thế giới đến các sản phẩm hóa chất Việt Nam, đặc biệt là phân bón phục vụ nông nghiệp.

II. BÁO CÁO CHUNG

Năm 2013

1. Đặc điểm tình hình

Năm 2013, kinh tế Việt Nam gặp không ít khó khăn thách thức từ bên ngoài và từ nội tại nền kinh tế trong nước. Kinh tế thế giới tuy có bước phục hồi nhưng chậm, chưa vững chắc, không đồng đều giữa các nước, khu vực; tăng trưởng kinh tế và nhu cầu nhập khẩu từ các nền kinh tế lớn là đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam có những dấu hiệu không tích cực do nhu cầu thấp và xu hướng tăng cường bảo hộ mậu dịch ngày càng trở nên phổ biến... Ở trong nước, chi phí sản xuất trong nhiều lĩnh vực gia tăng, năng lực cạnh tranh của nhiều sản phẩm còn thấp... Những yếu tố không thuận từ kinh tế thế giới và trong nước đã gây nhiều khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam nói chung và doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam nói riêng.

Để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, ngày 07 tháng 01 năm 2013 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2013; Nghị quyết số 02/NQ-CP về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu. Với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị và cộng đồng doanh nghiệp, nền kinh tế Việt Nam đã dần ổn định, lạm phát giữ ở mức thấp, lãi suất giảm dần, GDP tăng dần vào những tháng cuối năm... là những điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh.

Đối với Tập đoàn công nghiệp Hóa chất Việt Nam, ngoài những tác động từ thuận lợi và khó khăn của kinh tế trong nước, sản xuất kinh doanh của Tập đoàn có những thuận lợi, khó khăn sau:

1.1. Thuận lợi:

- Tập đoàn chỉ đạo triển khai quyết liệt Đề án tái cơ cấu, tập trung vào các ngành sản xuất kinh doanh chính: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, sản xuất cao su, pin, ắc quy, chất tẩy rửa, hóa chất cơ bản, hóa chất tiêu dùng, nên không bị phân tán nguồn lực;

- Các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn là những đơn vị lớn, đi đầu trong lĩnh vực sản xuất phân bón, cao su, hóa chất; đã xây dựng được những thương hiệu mạnh, uy tín nên có lợi thế cạnh tranh trên thị trường;

- Giá vật tư, nguyên vật liệu tương đối ổn định giúp cho các đơn vị chủ động triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh.

1.2 Khó khăn:

- Khó khăn lớn nhất năm 2013 thuộc khu vực nông nghiệp, nông thôn: giá gạo, cà phê, tiêu và một số loại nông sản giảm liên tục và duy trì ở mức thấp; chăn nuôi cũng gặp rất nhiều khó khăn do dịch bệnh, tiêu thụ kém; bão lụt, thay đổi khí hậu gây thiệt hại trực tiếp và ảnh hưởng đến cơ cấu mùa vụ của nông dân;

- Sức ép giảm giá tạo chu kỳ giảm giá với hầu hết các loại sản phẩm làm giảm mạnh doanh thu, lợi nhuận của Tập đoàn;

- Tình trạng sản xuất hàng giả, kém chất lượng (đặc biệt là sản xuất phân bón NPK trộn); tình trạng hàng hóa nhập khẩu gian lận thương mại... ảnh hưởng lớn đến các ngành sản xuất của Tập đoàn;

- Tình hình chung của kinh tế thế giới và trong nước có tốc độ tăng trưởng chậm, sức mua của thị trường tiêu thụ các sản phẩm còn yếu.

Với tinh thần phát huy tối đa thuận lợi, khắc phục khó khăn, Tập đoàn đã chỉ đạo các đơn vị thành viên nghiêm túc thực hiện chủ trương của Đảng, Nghị quyết của Chính phủ, tập trung mọi nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Mỗi đơn vị thành viên đã chủ động chuẩn bị điều kiện cho sản xuất, thị trường ở mức tốt nhất có thể nên hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Tập đoàn cơ bản đạt mục tiêu kế hoạch năm 2013 đã đề ra. Cụ thể:

2. Kết quả sản xuất kinh doanh

2.1 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

- Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2013 tính theo giá thực tế đạt 41.499 tỷ đồng, tăng 2,25% so với cùng kỳ năm 2012.

- Doanh thu năm 2013 đạt 43.830 tỷ đồng, tăng 0,8% so với năm 2012.

- Sản lượng sản phẩm chủ yếu:

TT	Sản phẩm Sản xuất	Đơn vị tính	Sản lượng năm 2012	Sản lượng năm 2013	So sánh (%)
1	Supe lân	Tấn	1.009.592	985.463	97,6
2	Lân nung chảy	Tấn	521.384	545.544	104,6
3	Phân đạm urê	Tấn	319.361	500.326	156,6
4	Phân DAP	Tấn	284.891	216.669	76
5	Phân hỗn hợp NPK	Tấn	1.923.443	1.880.426	97,7
6	Thuốc bảo vệ thực vật	Tấn	17.366	17.281	99,5
7	Quặng apatit	Tấn	2.363.928	2.656.051	112,3

8	Xút thương phẩm (NaOH)	Tấn	32.651	34.525	105,7
9	Axit HCl thương phẩm	Tấn	73.264	76.254	104,1
10	Lốp xe đạp	1000 ch	10.084	11.146	110,5
11	Lốp xe máy	1000 ch	5.576	4.764	85,4
12	Lốp ô tô	Chiếc	1.753.557	1.941.700	110,7
13	Pin các loại	Viên	212.880	215.300	97,0
14	Ắc quy các loại	Kwh	1.149.019	1.300.000	113,1
15	Chất giặt rửa	Tấn	339.800	341.000	100,3

- Tổng ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2013 đạt 588 triệu USD, giảm 6,7% so cùng kỳ năm 2012, trong đó: Nhập khẩu đạt 351 triệu USD, giảm 8,4%; xuất khẩu đạt 237 triệu USD, giảm 4% so với cùng kỳ 2012.

- Lợi nhuận thực hiện đạt 2.730 tỷ đồng;

- Nộp ngân sách đạt 2.543 tỷ đồng, tăng 13,9% so với năm 2012;

- Tổng số lao động bình quân gần 27.000 người với việc làm ổn định; thu nhập bình quân đạt 7,5 triệu đồng/người/tháng, tăng 3% so với năm 2012.

2.2 Kết quả sản xuất kinh doanh của các công ty liên doanh, liên kết

a. Các công ty liên doanh

Tổng doanh thu của các Công ty liên doanh đạt 8.286 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2012. Trong đó: 4 Công ty do Tập đoàn trực tiếp góp vốn đạt 6.662 tỷ đồng, tăng 5% so với năm 2012.

Hầu hết hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty liên doanh đều có hiệu quả. Công ty TPC Vina lãi 97,2 tỷ đồng, tăng 2,8% so cùng kỳ; Công ty phân bón Việt Nhật lãi 125,8 tỷ đồng, tăng 91% so cùng kỳ; Công ty TNHH Cao su Inoue Việt Nam lãi 110 tỷ đồng, tăng 46% so cùng kỳ; LG Vina lãi 45,7 tỷ đồng; Mosfly Việt Nam lãi 11,8 tỷ đồng; Viguato lãi 5,9 tỷ đồng.

b. Các công ty liên kết

Theo số liệu báo cáo của một số đơn vị, kết quả doanh thu, lợi nhuận năm 2013 như sau: Công ty cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ đạt 140 tỷ đồng, lợi nhuận 9.5 tỷ đồng; Công ty cổ phần Ắc quy Vĩnh Phú đạt 70 tỷ đồng, lợi nhuận 1,8 tỷ đồng bằng 60% so cùng kỳ; Công ty CP Sơn Tổng hợp Hà Nội đạt 550 tỷ đồng, lợi nhuận 23 tỷ bằng 74% so cùng kỳ; Công ty cổ phần XNK Hóa chất Miền Nam ước đạt 760 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 117 tỷ tăng 21% so với cùng kỳ; Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Mỏ ước đạt 30,7 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 2 tỷ đồng; Công ty CP Que hàn điện Việt Đức ước đạt 213 tỷ đồng, lợi nhuận 8 tỷ đồng tăng 33% so với cùng kỳ; Công ty cổ phần Pin Hà Nội ước đạt 210 tỷ đồng; Công ty Tài chính cổ phần Hóa chất Việt Nam doanh thu ước đạt 212 tỷ, lợi nhuận ước đạt 96 tỷ bằng 78% so với cùng kỳ.

Năm 2014:

1. Đặc điểm tình hình

Năm 2014 trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến rất phức tạp. Kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo. Xung đột xảy ra ở nhiều nơi. Việc Trung Quốc bất chấp luật pháp quốc tế, ngang nhiên hạ đặt giàn khoan trái phép trong vùng biển của Việt Nam, đe dọa nghiêm trọng hòa bình, ổn định và phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Những yếu tố không thuận từ kinh tế thế giới và trong nước đã gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam nói chung và doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam nói riêng.

Để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, ngày 02 tháng 01 năm 2014 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2014. Với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị và cộng đồng doanh nghiệp, nền kinh tế Việt Nam đã dần ổn định, lạm phát giữ ở mức thấp, lãi suất giảm dần,... là những điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh.

Đối với Tập đoàn công nghiệp Hóa chất Việt Nam, ngoài những tác động từ thuận lợi và khó khăn của kinh tế trong nước, sản xuất kinh doanh của Tập đoàn có những thuận lợi, khó khăn sau:

1.1 Thuận lợi:

- Tập đoàn chỉ đạo triển khai quyết liệt Đề án tái cơ cấu, tập trung vào các ngành sản xuất kinh doanh chính: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, sản xuất cao su, pin, ắc quy, chất tẩy rửa, hóa chất cơ bản, hóa chất tiêu dùng nên không bị phân tán nguồn lực;

- Các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn là những đơn vị lớn, đi đầu trong lĩnh vực sản xuất phân bón, cao su, hóa chất; đã xây dựng được những thương hiệu mạnh, uy tín nên có lợi thế cạnh tranh trên thị trường;

- Giá vật tư, nguyên vật liệu tương đối ổn định giúp cho các đơn vị chủ động triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh.

1.2 Khó khăn:

- Khó khăn lớn nhất năm 2014 là giá nông sản không ổn định, đặc biệt giá cao su giảm mạnh đã ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ phân bón;

- Sức ép giảm giá với hầu hết các loại sản phẩm phân bón làm giảm mạnh doanh thu, lợi nhuận của Tập đoàn, trong khi đó nhiều chi phí tăng nhất là chi phí vận tải tăng mạnh.

- Tình trạng sản xuất hàng giả, kém chất lượng (đặc biệt là sản xuất phân bón NPK trộn); tình trạng hàng hóa nhập khẩu gian lận thương mại... ảnh hưởng lớn đến các ngành sản xuất của Tập đoàn;

- Tình hình chung của kinh tế thế giới và trong nước có tốc độ tăng trưởng chậm, sức mua của thị trường còn yếu.

Với tinh thần phát huy tối đa thuận lợi, khắc phục khó khăn, Tập đoàn đã chỉ đạo các đơn vị thành viên nghiêm túc thực hiện chủ trương của Đảng, Nghị

quyết của Chính phủ, chỉ đạo của Bộ Công Thương, tập trung mọi nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Mỗi đơn vị thành viên đã chủ động chuẩn bị điều kiện cho sản xuất, thị trường ở mức tốt nhất có thể nên hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Tập đoàn cơ bản đạt mục tiêu kế hoạch năm 2014 đã đề ra. Cụ thể:

2. Kết quả sản xuất kinh doanh

2.1 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

- Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2014 tính theo giá thực tế đạt 42.524 tỷ đồng, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2013. Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá so sánh 2010 đạt 40.532 tỷ đồng tăng 10,8% so cùng kỳ 2013. Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá cố định 1994 đạt 18.360 tỷ đồng tăng 16,1% so cùng kỳ năm 2013.

- Doanh thu năm 2014 đạt 46.053 tỷ đồng, tăng 5% so với năm 2013.

- Sản lượng sản phẩm chủ yếu:

TT	Sản phẩm sản xuất	Đơn vị tính	Sản lượng năm 2013	Sản lượng năm 2014	So sánh (%)
1	Supe lân	Tấn	985.463	975.904	99,2
2	Lân nung chảy	Tấn	545.544	581.345	106,6
3	Phân đạm urê	Tấn	500.326	548.294	109,6
4	Phân DAP	Tấn	216.669	284.869	131,5
5	Phân hỗn hợp NPK	Tấn	1.878.617	1.887.372	100,5
6	Thuốc bảo vệ thực vật	Tấn	17.291	16.771	96,5
7	Quặng apatit	Tấn	2.656.051	2.399.748	90,4
8	Xút thương phẩm (NaOH)	Tấn	34.525	39.740	115,1
9	Axit H ₂ SO ₄ thương phẩm	Tấn	80.322	80.936	100,8
10	Lốp xe máy	1000 ch	4.764	6.098	128
11	Lốp ô tô	Chiếc	1.941.754	2.021.080	104,1
12	Pin các loại	Viên	215.296	215.220	100,0
13	Ắc quy các loại	Kwh	1.310.149	1.382.570	105,5
14	Chất giặt rửa	Tấn	340.900	376.352	110,4

- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 507 triệu USD, trong đó tổng giá trị xuất khẩu đạt 231 triệu USD, tăng 5,4% so cùng kỳ năm 2013;

- Lợi nhuận hợp nhất năm 2014 thực hiện là 2.776 tỷ đồng;

- Nộp NSNN năm 2014 đạt 2.523 tỷ đồng, trong đó nộp lợi nhuận phát sinh sau thuế năm 2014 theo Nghị định 204/2013/NĐ-CP là 650 tỷ đồng;

- Tổng số cán bộ công nhân viên bình quân trong Tập đoàn công nghiệp Hóa chất Việt Nam trong năm là 27.000 người với việc làm ổn định; thu nhập bình quân đạt 7 triệu đồng/người/tháng, bằng cùng kỳ so với năm 2013.